

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHÀ BÈ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/KDTM-ST  
Ngày: 14/4/2021.  
V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài  
sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lựu

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Quốc Xuân.

2. Bà Phạm Kim Tuyền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thiên Kim – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè tham gia phiên tòa:**  
Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2021/TLST-KDTM ngày 15/01/2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Công ty I.

Địa chỉ: Số 292 Đường K, Phường 25, quận B, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Y – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Vũ Vân H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 13C Đường M, Phường 8, Quận N, Thành phố H. (Có mặt).

**Bị đơn:** Công ty V.

Địa chỉ: DP15 khu Dragon Parc 1 Đường T, xã K huyện B, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hào T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 140/17/A Đường L, Phường 26, quận B, Thành phố H. (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện ngày 08 tháng 01 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Ngô Vũ Vân H trình bày:*

Ngày 11/6/2019, Công ty I và Công ty V ký hợp đồng cho thuê xe số 11.06/19-HĐCTX-VR. Theo đó, Công ty V cho Công ty I thuê 01 xe ô tô 07 chỗ (biển số đăng ký: 51G-415.00, loại xe Toyota INNOVA) với giá thuê là 7.000.000 đồng/tháng, tiền đặt cọc thuê xe là: 300.000.000 đồng, thời hạn thuê: từ ngày 11/6/2019 đến ngày 10/6/2020. Theo thỏa thuận của hợp đồng thì toàn bộ số tiền đặt cọc sẽ được Công ty V hoàn trả cho Công ty I khi kết thúc hợp đồng.

Ngày 08/6/2020, Công ty I và Công ty V đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê xe ô tô trên. Tuy nhiên đến hiện nay, Công ty V không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả số tiền đặt cọc 300.000.000 đồng cho Công ty I.

Công ty I khởi kiện yêu cầu Công ty V hoàn trả toàn bộ số tiền đặt cọc thuê xe là 300.000.000 đồng; đồng thời yêu cầu Công ty V phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 11/12/2020 đến ngày 14/4/2021:  $300.000.000 \text{ đồng} \times 9\% / 365 \times 125 \text{ ngày} = 9.246.575 \text{ đồng}$ .

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

*Tại bản tường trình ngày 01/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Hảo T trình bày:*

Công ty V xác nhận về việc ký kết hợp đồng cho Công ty I thuê xe ô tô 07 chỗ (biển số đăng ký: 51G-415.00, loại xe Toyota INNOVA) với giá thuê là 7.000.000 đồng/tháng và Công ty I đặt cọc số tiền là 300.000.000 đồng. Kết thúc thời hạn thuê, hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng vào ngày 08/6/2020, Công ty V cam kết trả lại toàn bộ số tiền đặt cọc cho Công ty I. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid-19 ngày càng diễn biến phức tạp, Công ty V đang gặp khó khăn nên chưa thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền đặt cọc cho Công ty I theo đúng cam kết của biên bản thanh lý ngày 08/6/2020. Công ty V xác nhận còn nợ Công ty I số tiền đặt cọc là 300.000.000 đồng nhưng do hiện nay Công ty V ngưng hoạt động nên không có khả năng hoàn trả số tiền trên cho Công ty I. Theo yêu cầu khởi kiện của Công ty I, Công ty V đồng ý trả lại số tiền 300.000.000 đồng cho Công ty I nhưng xin trả dần và đề nghị nguyên đơn không tính lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên ý kiến nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh: Không tham gia phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty I khởi kiện yêu cầu Công ty V trả lại số tiền đặt cọc trong hợp đồng cho thuê xe, các bên có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản”. Bị đơn Công ty V có đăng ký trụ sở tại huyện Nhà Bè nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng cho thuê xe số 11.06/19-HĐCTX-VR ngày 11/6/2019 và biên bản thanh lý hợp đồng thuê xe ô tô ngày 08/6/2020. Theo đó xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã giao kết hợp đồng thuê tài sản là 01 xe ô tô (biển đăng ký 51G-415.00, loại xe Toyota INNOVA) với giá thuê là 7.000.000 đồng/tháng, nguyên đơn đặt cọc thuê xe là: 300.000.000 đồng, thời hạn thuê: từ ngày 11/6/2019 đến ngày 10/6/2020. Hết thời hạn thuê xe theo hợp đồng, hai bên đã tiến hành ký biên bản thanh lý và bị đơn cam kết hoàn trả lại đầy đủ số tiền đặt cọc 300.000.000 đồng cho nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả lại số tiền đặt cọc thuê xe 300.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét: Tại biên bản thanh lý hợp đồng thuê xe ô tô ngày 08/6/2020, bị đơn cam kết trả lại số tiền cọc 300.000.000 đồng cho nguyên đơn, hạn cuối cùng là ngày 10/12/2020. Tuy nhiên, đến hạn bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền cọc cho nguyên đơn, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền lãi chậm trả từ ngày 11/12/2020 đến ngày xét xử (14/4/2021) theo mức lãi suất 9%/năm.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên áp dụng quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005, bên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Hiện nay, mức lãi suất cho vay dài hạn của các Ngân hàng như sau: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nhà Bè là 9,35%/năm, ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Sài Gòn là 9,5%/năm, ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là 10,0%/năm, có cơ sở xác định mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay là:  $(9,35\% + 9,5\% + 10,0\%) / 3 \times 150\% = 14,42\% / \text{năm}$ .

Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu tính số tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất là 9%/năm là dưới mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử và có lợi cho phía bị đơn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi do chậm thanh toán là  $300.000.000 \text{ đồng} \times 9\% / 365 \times 125 \text{ ngày} = 9.246.575 \text{ đồng}$ .

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Công ty I không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 472, 328 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty V phải có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ số tiền đặt cọc cho Công ty I là 309.246.575 (Ba trăm lẻ chín triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi lăm) đồng theo biên bản thanh lý hợp đồng thuê xe ô tô ngày 08/6/2020, trong đó tiền gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 9.246.575 đồng.

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty V phải chịu án phí là 15.462.329 (Mười lăm triệu bốn trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm hai mươi chín) đồng.

- Hoàn tiền tạm ứng án phí 7.893.750 (Bảy triệu tám trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi) đồng cho Công ty I theo biên lai thu số 0073287 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Lựu**